

Nội dung bài viết

1. [Đề thi học kì 2 môn Văn lớp 8 năm 2021 - 2022 \(Đề số 1\)](#)
2. [Đề thi Văn lớp 8 cuối học kì 2 năm 2021 - 2022 \(Đề số 2\)](#)
3. [Đề thi cuối học kì 2 môn Văn lớp 8 năm 2021 - 2022 \(Đề số 3\)](#)

Đề thi học kì 2 môn Văn lớp 8 năm 2021 - 2022 (Đề số 1)

Phần I: ĐỌC HIỂU: (3 điểm)

Đọc kỹ đoạn trích và trả lời các câu hỏi sau:

Như chúng ta đã biết, việc sử dụng bao bì ni lông có thể gây nguy hại đối với môi trường bởi đặc tính không phân huỷ của pla-xtic. Hiện nay ở Việt Nam mỗi ngày thải ra hàng triệu bao bì ni lông, một phần được thu gom, phần lớn bị vứt bừa bãi khắp nơi công cộng, ao hồ, sông ngòi. Theo các nhà khoa học, bao bì ni lông lẫn vào đất vào đất làm cản trở quá trình sinh trưởng của các loài thực vật bị nó bao quanh, cản trở sự phát triển của cỏ dẫn đến hiện tượng xói mòn ở các vùng đồi núi. Bao bì ni lông bị vứt xuống cống làm tắc các đường dẫn nước thải, làm tăng khả năng ngập lụt của các đô thị về mùa mưa. Sự tắc nghẽn hệ thống cống rãnh làm cho muỗi phát sinh, lây truyền dịch bệnh. Bao bì ni lông trôi ra biển làm chết các sinh vật khi chúng nuốt phải. Đặc biệt bao bì ni lông màu đựng thực phẩm làm ô nhiễm thực phẩm do chứa các kim loại như chì, ca-đi-mi gây tác hại cho não và là nguyên nhân gây ung thư phổi. Nguy hiểm nhất là khi các bao bì ni lông thải bỏ bị đốt, các khí độc thải ra đặc biệt là chất đi-ô-xin có thể gây ngộ độc, gây ngất, khó thở, nôn ra máu, ảnh hưởng đến các tuyến nội tiết, giảm khả năng miễn dịch, gây rối loạn chức năng, gây ung thư và các dị tật bẩm sinh cho trẻ sơ sinh.

Câu 1: (0.5 điểm) Đoạn văn trên được trích trong văn bản nào?

Câu 2: (0,5 điểm) Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn ?

Câu 3: (1 điểm) Câu văn: “Bao bì ni lông bị vứt xuống cống làm tắc các đường dẫn nước thải, làm tăng khả năng ngập lụt của các đô thị về mùa mưa”. Trật tự từ trong những bộ phận in đậm thể hiện đi đâu gì?

Câu 4: (1 điểm) Nêu nội dung chính của đoạn văn?

Phần II: LÀM VĂN (7 điểm)

Câu 1: (2 điểm)

Từ nội dung đoạn trích trên em hãy viết đoạn văn ngắn (từ 15 đến 20 dòng) trình bày suy nghĩ của mình về lợi ích của bảo vệ môi trường.

Câu 2: (5 điểm)

Vẻ đẹp tâm hồn của Bác qua bài thơ “Ngắm trăng”

Đáp án chi tiết:

Phần I: ĐỌC HIỂU: (3 điểm)

Câu 1 (0.5 đ)

Yêu cầu trả lời:

- Đoạn văn trên được trích từ văn bản Thông tin về ngày trái đất năm 2000.

Hướng dẫn chấm:

- Điểm 0.5: Trình bày đầy đủ các ý trên.
- Điểm 0: Trả lời không đúng các ý trên hoặc không trả lời.

Câu 2 (0.5 đ)

Yêu cầu trả lời:

- Phương thức biểu đạt chính là thuyết minh.

Hướng dẫn chấm:

- Điểm 0.5: Trình bày đầy đủ các ý trên.
- Điểm 0: Trả lời không đúng các ý trên hoặc không trả lời.

Câu 3 (1 đ)

Yêu cầu trả lời:

Trật tự từ trong những bộ phận in đậm trên thể hiện trình tự quan sát của người nói.

Hướng dẫn chấm:

- Điểm 1: Trình bày đầy đủ các ý trên.

- Điểm 0.5: Trình bày được $\frac{1}{2}$ ý trên.
- Điểm 0: Trả lời không đúng hoặc không trả lời.

Câu 4 (1 đ)

Yêu cầu trả lời:

Nội dung của đoạn văn nêu những tác hại của việc sử dụng bao bì ni lông

Hướng dẫn chấm:

- Điểm 1: Trình bày đầy đủ các ý trên.
- Điểm 0.5 : Trình bày được $\frac{1}{2}$ ý trên.
- Điểm 0: Trả lời không đúng hoặc không trả lời.

Phần II: LÀM VĂN (7 điểm)

Câu 1: (2 đ)

Bài viết của học sinh đảm bảo một số yêu cầu sau:

- Kiểu bài: Viết đúng kiểu bài văn nghị luận.
- Diễn đạt: Rõ ràng, mạch lạc, không sai lỗi chính tả.
- Bố cục: Chặt chẽ, ngắn gọn.

Hướng dẫn chấm:

Điểm 2: Viết được đoạn văn với đầy đủ các ý.

Điểm 1: Viết được đoạn văn với $\frac{1}{2}$ các ý.

Điểm 0.5: Viết được đoạn văn với $\frac{1}{3}$ các ý.

Điểm 0.: Không viết được đoạn văn.

Câu 2: (5 đ)

*Yêu cầu chung:

Bài viết của học sinh đảm bảo một số yêu cầu sau:

- Kiểu bài: Viết đúng kiểu bài văn nghị luận kết hợp với yếu tố miêu tả, biểu cảm, tự sự.
- Diễn đạt: Rõ ràng, mạch lạc, không sai lỗi chính tả.
- Bố cục: Chặt chẽ, đủ ba phần của bài văn.

* Yêu cầu cụ thể:

a, Đảm bảo cấu trúc một bài văn nghị luận. (0,5đ)

- Điểm 0,5: Trình bày đầy đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài.

Phần mở bài biết dẫn dắt hợp lý và nêu được vấn đề Phần thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề Phần kết bài khái quát được vấn đề

- Điểm 0,25: Trình bày đủ 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài nhưng các phần chưa đầy đủ như trên. Phần thân bài có một đoạn văn.

- Điểm 0: Không làm bài.

b, Xác định đúng vấn đề nghị luận. (0.25 đ)

- Điểm 0,25: Xác định đúng đối tượng nghị luận, nêu được vẻ đẹp tâm hồn của Bác qua bài thơ

- Điểm 0: Xác định sai, trình bày sai đối tượng nghị luận.

c, Chia đối tượng nghị luận thành các phần phù hợp, được triển khai hợp lý, có sự liên kết chặt chẽ, trình bày được những kiến thức về đối tượng nghị luận.

- Điểm 3,5: Đảm bảo các yêu cầu trên. Có thể tham khảo dàn bài sau:

+ Bài thơ lấy thi đề quen thuộc – ngắm trăng song ở đây, nhân vật trữ tình lại ngắm trăng trong hoàn cảnh tù ngục.

+ Hai câu đầu diễn tả sự bối rối của người tù vì cảnh đẹp mà không có rượu và hoa để thưởng trăng được trọn vẹn. Đó là sự bối rối rất nghệ sĩ.

+ Hai câu sau diễn tả cảnh ngắm trăng. Ở đó có sự giao hòa tuyệt diệu giữa con người và thiên nhiên. Trong khoảnh khắc thăng hoa ấy, nhân vật trữ tình không còn là tù nhân mà là một "thi gia" đang say sưa thưởng ngoạn vẻ đẹp của thiên nhiên.

+ Bài thơ thể hiện một tâm hồn giàu chất nghệ sĩ, yêu thiên nhiên nhưng xét đến cùng, tâm hồn ấy là kết quả của một bản lĩnh phi thường, một phong thái ung dung tự tại, có thể vượt lên trên cảnh ngộ tù đầy để rung động trước vẻ đẹp của thiên nhiên. Đó cũng là biểu hiện của một tinh thần lạc quan, luôn hướng tới sự sống và ánh sáng.

- Điểm 3 – 3,5 đáp ứng được cơ bản các yêu cầu trên nhưng còn một số phần chưa đầy đủ hoặc còn liên kết chưa chặt chẽ.

- Điểm 2 – 2,5 đáp ứng được 2/4 – 3/4 các yêu cầu trên.

- Điểm 1 – 1,5 đáp ứng được 1/4 các yêu cầu trên.

- Điểm 0,25 – 0,5 hầu như không đáp ứng được các yêu cầu trên.

- Điểm 0 không đáp ứng được các yêu cầu trên.

d, Sáng tạo (0,5đ)

- Điểm 0,5: Có cách diễn đạt độc đáo, lời văn chính xác, rõ ràng, dễ hiểu.

- Điểm 0: Không có cách diễn đạt độc đáo, dập khuôn, máy móc.

e, Chính tả, dùng từ, đặt câu. (0,25đ)

- Điểm 0,25: Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.

- Điểm 0: Mắc nhiều lỗi chính tả, dùng từ đặt câu.

Đề thi Văn lớp 8 cuối học kì 2 năm 2021 - 2022 (Đề số 2)

A. ĐỌC HIỂU : (4,0 điểm)

Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu bên dưới :

Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới :

Nước bao vây, cách biển nửa ngày sông.

Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng
Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá.
Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã
Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang.
Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng
Rướn thân trắng bao la thâu góp gió...

Ngày hôm sau, ồn ào trên bến đỗ
Khắp dân làng tấp nập đón ghe về
“Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe”,
Những con cá tươi ngon thân bạc trắng.
Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng,
Cả thân hình nồng thở vị xa xăm ;
Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm
Nghe chát muối thấm dần trong thớ vỏ.

Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ
Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi,
Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi,
Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá !

(Ngữ văn 8, tập 2)

1. Tên của bài thơ trên là gì ? Tác giả là ai ? (1,0 điểm)

2. Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong bài thơ trên là gì ? (1,0 điểm)
3. Câu thơ: “Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã” được sử dụng biện pháp tu từ nào? (1,0 điểm)
4. Nêu nội dung chính của bài thơ trên. (1,0 điểm)

B. TẬP LÀM VĂN : (6,0 điểm)

Từ bài Bàn luận về phép học của La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp, hãy nêu suy nghĩ về mối quan hệ giữa “học” và “hành”.

Đáp án chi tiết:**A. ĐỌC HIỂU : (4,0 điểm)**

1. - Tên của bài thơ : Quê hương.

- Tác giả : Tế Hanh.

2. Phương thức biểu đạt chính : Biểu cảm.

3. Biện pháp tu từ : So sánh.

4. Nội dung chính của văn bản :

- Miêu tả bức tranh tươi sáng, sinh động về một làng quê miền biển, trong đó nổi bật lên hình ảnh khỏe khoắn, đầy sức sống của người dân chài và sinh hoạt lao động làng chài.

- Thể hiện tình cảm quê hương trong sáng, tha thiết của nhà thơ.

B. TẬP LÀM VĂN : (6,0 điểm)

Từ bài Bàn luận về phép học của La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp, hãy nêu suy nghĩ về mối quan hệ giữa “học” và “hành”.

a. Đảm bảo cấu trúc bài văn.

Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.

b. Xác định đúng luận đề.

Mối quan hệ giữa học và hành.

c. Triển khai vấn đề nghị luận.

Vận dụng tốt các phương thức nghị luận, tự sự, miêu tả, biểu cảm,...

- Giới thiệu mối quan hệ giữa học và hành.

- Giải thích :

+ Học là gì ?

+ Hành là gì ?

+ Vì sao học phải đi đôi với hành ?

- Tầm quan trọng của việc học kết hợp với hành.

- Bài học/ ý nghĩa/... rút ra.

d. Sáng tạo.

Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.

e. Chính tả, dùng từ, đặt câu.

Viết ít sai chính tả, dùng từ, đặt câu.

Đề thi cuối học kì 2 môn Văn lớp 8 năm 2021 - 2022 (Đề số 3)

Phần I: Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc kĩ đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi :

“Việc nhân nghĩa cốt để yên dân

Quân điếu phạt trước lo trừ bạo

Như nước Đại Việt ta từ trước,

Vốn xưng nền văn hiến đã lâu.

Núi sông bờ cõi đã chia,

Phong tục Bắc Nam cũng khác.

Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần bao đời xây nên độc lập,

Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương.

Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau,

Song hào kiệt đời nào cũng có.”

(Ngữ văn 8, tập hai)

Câu 1: (0,5 điểm)

Đoạn thơ trên được trích từ tác phẩm nào? Nêu tên tác giả.

Câu 2: (0,5 điểm)

Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 3: (0,5 điểm)

Em hãy xác định kiểu câu phân loại theo mục đích nói cho câu thơ sau:

“Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần bao đời xây nên độc lập,

Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương”.

Câu 4: (0,5 điểm)

Nêu tác dụng của sự sắp xếp trật tự từ in đậm trong câu thơ:

“Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần bao đời xây nên độc lập,

Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương”.

Câu 5: (1 điểm)

Qua đoạn thơ, tác giả khẳng định chủ quyền độc lập dân tộc dựa vào những yếu tố nào?

Phần II: Tạo lập văn bản (7 điểm)

Câu 1: (2 điểm)

Qua đoạn thơ trên, em hãy viết một đoạn văn trình bày tư tưởng nhân nghĩa theo quan điểm của tác giả. Em có nhận xét gì về tư tưởng đó? (Trình bày bằng một đoạn văn ngắn 5- 7 câu).

Câu 2: (5 điểm)

Em hãy viết một bài văn nghị luận về tác dụng của việc đọc sách.

Đáp án chi tiết:

Phần I: Đọc hiểu (3 điểm)

1. Tác phẩm: Nước Đại Việt ta (Bình ngô đại cáo)

Tác giả: Nguyễn Trãi

2. Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận trung đại

3. “Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần bao đời xây nền độc lập,

Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương”.

- Câu trần thuật

4. Trật tự từ in đậm thể hiện thứ tự trước sau của các triều đại (Triều đại của lịch sử Việt Nam: Triệu, Đinh, Lí, Trần; Triều đại của lịch sử Trung Quốc: Hán, Đường, Tống, Nguyên)

5. Yếu tố xác định độc lập chủ quyền:

- Nền văn hiến lâu đời.

- Lãnh thổ riêng.

- Phong tục, tập quán riêng.

- Truyền thống lịch sử riêng.

- Chủ quyền riêng

Phần II: Tập làm văn (7 điểm)

Câu 1:

- a. Đảm bảo thể thức của một đoạn văn
 - b. Xác định đúng vấn đề yêu cầu
 - c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn:
Quan điểm nhân nghĩa của Nguyễn Trãi:
 - Yên dân: giúp cho dân có cuộc sống yên ổn.
 - Trừ bạo: diệt trừ giặc Minh xâm lược.
- ◇ Nhân nghĩa là yêu nước, chống giặc ngoại xâm.
- Tư tưởng tiến bộ: thương yêu dân gắn với yêu nước chống giặc ngoại xâm.
- d. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề yêu cầu.
 - e. Chính tả, dùng từ đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.

2. Em hãy viết một bài văn nghị luận về tác dụng của việc đọc sách.

- a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:
 - Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài.
 - Vận dụng tốt các thao tác lập luận.
- b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Tác dụng của việc đọc sách.
- c. Triển khai nội dung nghị luận

Dưới đây là một số gợi ý định hướng cho việc chấm bài:

- Sách là kho tàng tri thức vô tận của nhân loại.
- Vai trò của sách trong giai đoạn hiện nay- không có gì thay thế được.
- Tác dụng của việc đọc sách:
 - + Cung cấp thông tin tri thức mọi mặt.

+Bồi dưỡng đạo đức, tình cảm, hoàn thiện bản thân góp phần xây dựng quê hương đất nước.

- +B ồi dưỡng, giáo dục nâng cao khiếu thẩm mĩ.
- + Đọc sách là đích hướng đến của tất cả mọi người.
- Biết lựa chọn sách để đọc.
- Liên hệ bản thân.
- d. Sáng tạo: Lời văn mạch lạc, trong sáng, giàu hình ảnh.
- e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.